

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN W  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 5 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN W TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Nuôi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **53/2024/TLST-HNGĐ** ngày 29 tháng 02 năm 2024; về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **73/2024/QĐXXST-DS** ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Thu C**, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện R, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông **Trần Quốc O**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Thu C trình bày:** Nguyên năm 2021, bà Lê Thị Thu C với ông Trần Quốc O xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã U cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/01/2021. Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là cháu Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021 (theo Giấy khai sinh số 2038 ngày 22/12/2021), cháu Trần Hạo N chung sống với bà Lê Thị Thu C, do bà Lê Thị Thu C nuôi dưỡng; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, vợ chồng bất hòa trong cuộc sống và thường cãi nhau nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 09/2023 cho đến nay.

Nay bà Lê Thị Thu C nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu C xin được ly hôn với ông Trần Quốc O.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Lê Thị Thu C không yêu cầu ông Trần Quốc O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Bị đơn Trần Quốc O:** Về quan hệ hôn nhân, con chung, không có tài sản chung, không nợ chung và không có người khác nợ vợ chồng thống nhất như bà Lê Thị Thu C trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường cãi nhau nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 09/2023 cho đến nay. Về hôn nhân bà Lê Thị Thu C yêu cầu ly hôn ông Trần Quốc O đồng ý ly hôn; sau ly hôn xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi), không yêu cầu bà Lê Thị Thu C cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **[I] Về tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Lê Thị Thu C yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Trần Quốc O; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi), không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Trần Quốc O cư trú tại ấp Y, xã U, huyện W, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*[III] Về nội dung:*

[1] Nguyên đơn Lê Thị Thu C và bị đơn Trần Quốc O kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã U cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04/01/2021, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thu C với ông Trần Quốc O là hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O chung sống hạnh phúc và đã có con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021. Theo bà Lê Thị Thu C trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống và thường cãi nhau nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 09/2023 cho đến nay.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình “*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Do đó, bà Lê Thị Thu C hoặc bà Lê Thị Thu C cùng với ông Trần Quốc O có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 20/02/2024 bà Lê Thị Thu C tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Quốc O là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Lê Thị Thu C trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống và thường cãi nhau nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 09/2023 cho đến nay. Xét thấy, thời gian bà Lê Thị Thu C với ông Trần Quốc O phát sinh mâu thuẫn là trong thời gian còn chung sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái, nay bà Lê Thị Thu C cương quyết ly hôn với ông Trần Quốc O; ông Trần Quốc O cũng đồng ý ly hôn. Do đó, theo bà Lê Thị Thu C yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Quốc O là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp.

[4] Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa xét xử, tại Biên bản hòa giải ngày 28/3/2024 và tại phiên tòa bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung. Do vậy, về quan hệ hôn nhân công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O; về con chung giải quyết theo luật định.

[5] Về con chung, theo khoản 2 và 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau

khi ly hôn thì “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*”. Xét thấy, cháu Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021, tính đến ngày xét xử sơ thẩm dưới 36 tháng tuổi nên theo luật định được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con hoặc thỏa thuận giao con cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trên thực tế Trần Hạo N từ khi sinh ra, cũng như từ khi bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O không còn chung sống thì bà Lê Thị Thu C là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Trần Hạo N hiện được bà Lê Thị Thu C nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, tình cảm gắn bó với bà Lê Thị Thu C, nếu giao con cho anh Toàn trực tiếp nuôi sẽ làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của cháu, hiện tại bà Cúc đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con nên sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Trần Hạo N cho bà Lê Thị Thu C trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Bà Lê Thị Thu C là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Trần Quốc O cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hạo N, đây là sự tự nguyện của bà Lê Thị Thu C. Do vậy, theo bà Lê Thị Thu C yêu cầu sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi cháu Trần Hạo N đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) và không yêu cầu ông Trần Quốc O cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con điều kiện kinh tế của bà Lê Thị Thu C không đảm bảo nuôi con thì bà Lê Thị Thu C vẫn được quyền khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc O cấp dưỡng nuôi con (khi cháu Trần Hạo N chưa tròn 18 tuổi) theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[9] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm, về quan hệ hôn nhân do nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Công văn số 72/TANDTC-PC ngày 11/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Công văn số 72/TANDTC-PC ngày 11/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thu C.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O.

- Về con chung: Giao Trần Hạo N, sinh ngày 27/6/2021 cho bà Lê Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi) và ông Trần Quốc O không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Trần Quốc O theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu C và ông Trần Quốc O mỗi người phải chịu 75.000đồng. Bà Lê Thị Thu C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0000251 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng; hoàn trả cho bà Lê Thị Thu C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 225.000đồng. Như vậy, bà Lê Thị Thu C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

### Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Hùng Nôi**